

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

T

Số:19/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 18 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84/ Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:20/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: 1/ Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1981

Địa chỉ: Ngõ 10 đường Bùi Xương Trạch, khu phố 6, phường P, thị xã B, tỉnh T.

2/ Chị Nguyễn Thị S - sinh năm 1985

Địa chỉ: Ngõ 10 đường Bùi Xương Trạch, khu phố 6, phường P, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung(nay là Phường Phú Sơn), thị xã B, tỉnh T năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, mỗi người một ý. Vì không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi vã không ai nhường nhịn ai, cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh C, chị S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên muốn giải thoát cho nhau. Vì vậy, hai bên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Thị Huyền T (nữ) sinh ngày 13/11/2005. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Vấn đề cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Lệ phí ly hôn sơ thẩm anh Nguyễn Văn C nộp 150.000đ, chị Nguyễn Thị S nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Văn C nộp thay phần lệ phí ly hôn cho chị Nguyễn Thị S.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Thị Huyền T (nữ) sinh ngày 13/11/2005. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Vấn đề cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận anh C nộp thay lệ phí ly hôn cho chị S nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo biên lai thu số: AA/2021/0005078 ngày 21/02/2022. Như vậy, anh C, chị S đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- VKSND thị xã B
- Đương sự
- UBND phường P(ĐK 14/12/2004)
- Chi cục Thi hành án B
- Tòa án tỉnh T
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

TỔNG THỊ HÀ

